

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST
Ngày: 28 - 10 – 2021 V/v “Tranh
chấp về quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hiền;

2. Ông Lộc Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp về quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: K1, thị trấn CC, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn L T, xã B Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Chị Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Khối V T, phường H B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982. Có mặt.

2. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1985. Vắng mặt có lý do.

Đều có địa chỉ: Thôn Kh T, xã Y Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

3. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: K1, thị trấn CC, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

4. Chị Hồ Thị V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: S 9, phường H H T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo uỷ quyền cho chị V: Chị Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Khối V T, phường H B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

5. Chị Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Khối V T, phường H B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Vào tháng 11/2019 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị Trần Thị Thu H, anh Nguyễn Văn H trú tại Thôn Kh T, xã Y Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An thửa đất số 98, tờ bản đồ số 48 tại Thôn L T, xã B Kh, huyện Con Cuông, tỉnh nghệ An, diện tích là 116m²(gọi tắt là thửa số 98). Hiện nay trên thửa đất ông bà nhận chuyển nhượng còn có một phần công trình nhà vệ sinh và nhà tắm của gia đình bà Nguyễn Thị L lấn sang khoảng 4m², trước khi nhận chuyển nhượng giữa ông bà và vợ chồng anh H, chị Hiền và bà L thoả thuận khi nào ông bà làm nhà ở thì bà L sẽ có trách nhiệm tháo dỡ một phần nhà vệ sinh và nhà tắm bên phần đất ông bà nhận chuyển nhượng để trả lại đất cho ông bà. Nhưng khi ông bà động thổ xây nhà thì bà L không chịu tháo dỡ. Ông bà cũng đã làm đơn yêu cầu UBND xã B Kh, huyện Con Cuông hoà giải nhưng không thành. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ một phần nhà vệ sinh và nhà tắm của bà L nằm trên đất của ông bà để trả lại quyền sử dụng đất theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSD) mà nhà nước đã giao cho ông bà.

Về chi phí tố tụng: Ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Hồ Thị Ngọc A trình bày: Vào đầu năm 2019 mẹ của chị là bà Nguyễn Thị L đã tặng cho hai chị em chị là Hồ Thị Ngọc A và em gái là Hồ Thị V mỗi người một thửa đất, thửa đất mẹ tặng cho chị có diện tích là 117m², và thửa đất tặng cho em Việt có diện tích là 116m². Khi mẹ cho hai chị em thì mẹ đã mời địa chính xã B Kh đến đo đạc để làm thủ tục cấp GCNQSD. Sau khi hoàn thành thủ tục

cấp GCNQSD thì hai chị em chị đã chuyển nhượng lại hai thửa đất đó cho vợ chồng chị Trần Thị Thu H, anh Nguyễn Văn H trú tại Thôn Kh T, xã Y Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Khi mẹ chị cho em Việt thì không bao gồm cả công trình vệ sinh và nhà tắm mà hiện nay mẹ đang sử dụng nên ông Q khởi kiện yêu cầu mẹ chị phải tháo dỡ một phần công trình nhà vệ sinh và nhà tắm đó để trả lại đất cho ông Q chị không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Thu H trình bày: Vào đầu năm 2019 vợ chồng anh có nhận chuyển nhượng của chị Hồ Thị V (con gái bà L) thửa đất số 436, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại Thôn L T, xã B Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, diện tích là 116m². Khi mua vợ chồng anh có nhờ công chức địa chính xã B Kh xuống đo đạc lại thì thấy phần phía sau góc bên phải nhìn từ ngoài đường nội Thôn L T vào nhà vệ sinh và nhà tắm của bà L nằm sang bên phần đất của vợ chồng anh nhận chuyển nhượng một phần khoảng 4m². Sau khi đo đạc xong vợ chồng anh có nói với bà L hiện tại vợ chồng anh chưa ở, khi nào làm nhà ở thì bà L phải tháo dỡ phần nhà vệ sinh và nhà tắm đó để trả lại đất cho vợ chồng anh. Bà L đồng ý và ký vào tờ giáp ranh. Vào tháng 11/2019 vợ chồng anh chuyển nhượng thửa đất đó cho ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Ph, khi chuyển nhượng vợ chồng anh cũng đã trao đổi cụ thể với vợ chồng ông Q về một phần công trình vệ sinh và nhà tắm nằm bên phần đất vợ chồng anh chuyển nhượng cho ông Q, khi nào ông Q xây nhà thì bà L sẽ tháo dỡ công trình đó để trả lại đất cho ông Q. Nên anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ một phần nhà vệ sinh và nhà tắm trên phần đất mà anh chị đã bán cho ông Q.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị V là chị Hồ Thị Ngọc A trình bày: Chị V là con đẻ của bà L đồng thời cũng là người đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh H, chị cũng có cùng ý kiến với bà L là không chấp nhận tháo dỡ một phần công trình nhà vệ sinh và nhà tắm đó.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 9 Điều 26 của bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 158, 186, 189, 192, 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 97, 98 của Luật đất đai: chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Q, buộc bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ một phần diện tích nhà tắm và nhà vệ sinh để trả lại diện tích 1.725m² đã lấn chiếm của ông Q; Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về quyền sử dụng đất, đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã B Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An vào ngày 06 tháng 7 năm 2020 nên đáp ứng điều kiện khởi kiện theo quy định Điều 202 của Luật đất đai năm 2013, Điều 192 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L cư trú tại Thôn L T, xã B Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An phải tháo dỡ công trình nhà vệ sinh và nhà tắm để trả lại quyền sử dụng đất cho ông nên theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 luật đất đai năm 2003, Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Q yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ công trình nhà vệ sinh và nhà tắm để trả lại 4m² đất thuộc thửa đất số 98. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được diện tích nhà vệ sinh và nhà tắm đang tranh chấp là 1,725m² đất nên ông Q đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông Q yêu cầu bà L phải tháo dỡ nhà vệ sinh và nhà tắm trả lại 1,725 m² đất cho gia đình ông. Xét, việc ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện là hợp pháp,

không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, các đương sự trong vụ án không ai có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét yêu cầu của ông Q về việc yêu cầu bà L trả lại 1,725m² đất tại thửa đất số 98 được Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông cấp giấy GCNQSD ngày 10 tháng 02 năm 2020 mang tên ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Ph.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Thu H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hiền theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Vào tháng 11/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Q có mua của vợ chồng chị Trần Thị Thu H, anh Nguyễn Văn H có địa chỉ tại Thôn Kh T, xã Y Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An thửa đất số 98 tại Thôn L T, xã B Kh, huyện Con Cuông, tỉnh nghệ An, diện tích là 116m². Hiện nay trên thửa đất ông Q mua còn có một phần công trình vệ sinh và nhà tắm của gia đình bà Nguyễn Thị L lấn sang khoảng 1,725m², trước khi mua thì giữa ông Q, vợ chồng anh H và bà L thoả thuận khi nào ông Q làm nhà ở thì bà L sẽ có trách nhiệm tháo dỡ nhà vệ sinh và nhà tắm để trả lại đất cho ông. Nhưng khi ông Q động thổ xây nhà thì bà L không thực hiện như đã thoả thuận. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải tháo dỡ một phần công trình nhà vệ sinh và nhà tắm là 1,725m² để trả lại quyền sử dụng đất cho ông.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

Về nguồn gốc thửa đất của vợ chồng ông Q đang sử dụng là do ông Q nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh chị H H, anh chị H H lại nhận chuyển nhượng của chị Hồ Thị V, đất của chị V là do bà L tặng cho, khi bà L tặng cho chị V thì bà L có mời cán bộ địa chính xã B Kh xuống cắm mốc và làm Hồ sơ cấp GCNQSD cho chị V. Khi chị V chuyển nhượng cho vợ chồng anh H thì bà L cũng là người ký vào biên bản xác định mốc giới (ký giáp ranh) để cấp GCNQSD cho vợ chồng anh H, đồng thời khi chị V chuyển nhượng lại cho vợ chồng anh H thì cũng lấy mốc và hiện trạng đúng như của bà L tặng cho chị V và diện tích cũng chỉ là 116m².

Để có căn cứ giải quyết vụ án, ngày 01/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Con Cuông đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ công trình nhà vệ sinh và nhà tắm của bà L: Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định nhà vệ sinh và nhà tắm của bà L được xây bằng gạch đỏ vào năm 1998, tường dày 11cm, mái đổ bê tông, nền lát gạch liên doanh 20 x 20cm, ốp gạch xung quanh phía trong cao 1,95m có tổng diện tích 7,4115m² trong đó có một phần công trình đã lấn qua phần đất của ông Q là 1,725m².

Như vậy, phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 98 tại Thôn L T, xã B Kh, huyện Con Cuông, tỉnh nghệ An, diện tích là 116m² được UBND huyện Con Cuông 1,725m² ngày 10 tháng 02 năm 2020 mang tên ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Ph tại Thôn L T, xã B Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Như vậy ông Q và bà Phượng đã được Nhà nước công nhận là người sử dụng đất hợp pháp nên được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai theo Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Đối với ý kiến chị Hồ Thị Ngọc A cho rằng: Khi gia đình ông Q, bà Phượng làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thì gia đình chị là hộ liền kề không ký xác nhận mốc giới, chị V là người chuyển nhượng cho chị Hiền, anh H và diện tích khi chị V chuyển nhượng cho chị Hiền là 116m² nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q, bà Phượng diện tích là 127,5m². Xét: tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Con Cuông tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Con Cuông và tài liệu kèm theo thể hiện: GCNQSD cấp cho chị Hồ Thị V ngày 11/12/2009 chỉ thể hiện diện tích đất sử dụng là 116m², không thể hiện phần diện tích của đất hành lang giao thông là do thời điểm đó đo đạc bằng phương pháp thủ công nên chỉ thể hiện trên bản đồ diện tích sử dụng thực tế, ngoài ra trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị V có thể hiện đường nội thôn 09m nhưng trên thực tế thì không được 9m chỉ ghi như thế cho phù hợp với quy hoạch, còn GCNQSD mang tên anh Nguyễn Văn H, chị Trần Thị Thu H và GCNQSD mang tên ông Nguyễn Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Ph có thể hiện đất hành lang giao thông là 11,5m² là do các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này được cấp theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định “*về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An*” thì đất hành lang giao thông phải được thể hiện trong GCNQSD. Mặt khác các GCNQSD này được đo đạc căn cứ vào bản đồ địa chính xã B Kh năm 2014 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh nghệ An phê duyệt, dù cách thể hiện trên sơ đồ khác nhau nhưng trong các GCNQSD của chị V, anh H, chị Hiền và ông Q, bà Phượng đều thể hiện diện tích sử dụng riêng là 116m², ranh giới phía sau là một đường thẳng không thay đổi và vẫn đảm bảo đường nội thôn là 09m. Vì vậy, lời nại của chị Ánh là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy việc công trình vệ sinh và nhà tắm của bà L lấn một phần sang đất của ông Q đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q vì đã không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Từ những nhận định nêu trên, HĐXX căn cứ vào ý

kiến của đại diện viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ một phần nhà vệ sinh và nhà tắm để trả lại quyền sử dụng đất là 1.725 m² tại thửa số 98 là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật, tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.700.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.700.000 đồng. Nay yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị L sẽ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[4] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thoả thuận nguyên đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, thoả thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166, 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Q: Buộc bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ một phần công trình nhà vệ sinh và nhà tắm để trả lại 1,725m² diện tích đất cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Ph được thể hiện bằng một tam giác vuông có các số đo cụ thể:

- Độ dài cạnh góc vuông thứ nhất = 2,68m.
- Độ dài cạnh góc vuông thứ hai = 1,38m.
- Độ dài cạnh huyền = 2,85m.

(Có bản trích đo địa chính kèm theo).

2. Về các chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giá tài sản để trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Q.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp tại chi Cục thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0002336 ngày 04/01/2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi